

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Bản án số:06/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2025
V/v “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-DS ngày 14/01/2025 về “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15a/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: CTCP TM BM, địa chỉ: TDP L, phường L, thành phố Th, thành phố H). Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn N, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; bà Trần Thị Minh A, sinh năm 2000 và bà Nguyễn Quỳnh H, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: Số 26, ngõ 126 M, phường M, quận N, thành phố H theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/01/2025. Bà An có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Tuyền, Công ty Luật TNHH Khải Hưng, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 26, ngõ 126 M, phường M, quận N, thành phố H. Bà Tuyền có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH M, địa chỉ trụ sở: Phố Đ, phường M, thị xã K, tỉnh H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phí Văn C, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1980; địa chỉ liên hệ: Đường T, phường H, thành phố H, tỉnh H theo Giấy ủy quyền ngày 17/02/2025. Ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2025, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Trần Thị Minh A trình bày:

Ngày 25/05/2022, CTCP TM BM và Công ty TNHH M đã ký với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 2505.2022/HĐMB/MP-BM về việc Công ty TNHH Msẽ cung

cấp hàng hóa là than cho CTCP TM BM. Theo nội dung Hợp đồng, CTCP TM BM phải thanh toán cho Công ty TNHH M100% tổng số tiền hàng trước khi lấy lô hàng tiếp theo (bao gồm cả thuế VAT 10%). Số lượng than lấy từng lần và thời gian giao hàng sẽ được hai bên thống nhất với nhau qua điện thoại. Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc trên, CTCP TM BM và Công ty TNHH M đã ký với nhau thêm 09 Phụ lục hợp đồng để thống nhất cụ thể về loại than và đơn giá mà CTCP TM BM mua, cụ thể:

- Phụ lục 01, ký ngày 26/05/2022: CTCP TM BM đã thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty TNHH M số tiền 6.000.000.000đ (*Sáu tỷ đồng*) để mua mặt hàng Than cục 5a.1 với đơn giá 6.350.000 đ/tấn. Công ty TNHH M mới giao được cho CTCP TM BM 832,43 tấn than cục 5a.1 tương đương 5.814.523.550 đồng (*Năm tỷ tám trăm mười bốn triệu năm trăm hai mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng*) (Bao gồm cả 10% VAT). Do vậy, Công ty TNHH M đã giao thiếu hàng cho CTCP TM BM và Công ty TNHH M còn cầm lại của CTCP TM BM số tiền là 185.476.450 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*).

- Phụ lục 02, ký ngày 07/06/2022: CTCP TM BM đã thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty TNHH M số tiền 6.766.358.128 đồng (*Sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, một trăm hai mươi tám đồng*) để mua mặt hàng Than cám 4a.1 với đơn giá 4.225.600 đ/tấn. Công ty TNHH M đã giao cho CTCP TM BM 1.495,61 tấn than cám 4a.1 tương đương 6.951.834.578 đồng (*Sáu tỷ, chín trăm năm mươi một triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng*) (Bao gồm cả 10% VAT). Như vậy, ở lần mua bán này, Công ty TNHH M đã giao thừa hàng cho CTCP TM BM. Tính trên số hàng thực tế giao thì CTCP TM BM phải trả thêm cho Công ty TNHH M số tiền 185.476.450 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*) ở lần mua bán này. Đối trừ với số tiền tại phụ lục 01, thì CTCP TM BM đã thanh toán đủ cho Công ty Minh Phúc HD.

- Phụ lục 03, ký ngày 16/06/2022: CTCP TM BM đã thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 7.000.000.000 đồng (*Bảy tỷ đồng*) để mua mặt hàng than đá 4a.2 với đơn giá 7.200.000đ/tấn. Công ty TNHH M đã giao cho CTCP TM BM 962,1 tấn than đá 4a.2 tương đương 7.619.832.000 đồng (*Bảy tỷ, sáu trăm mười chín triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*) (Bao gồm cả 10% VAT). Như vậy, ở lần mua bán này, Công ty TNHH M đã giao thừa hàng cho CTCP TM BM. CTCP TM BM phải trả thêm cho Công ty TNHH M số tiền 619.832.000 đồng (*Sáu trăm mười chín triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

- Phụ lục 04, ký ngày 23/06/2022: CTCP TM BM đã thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 8.600.000.000 đồng (*Tám tỷ, sáu trăm triệu đồng*) để mua mặt hàng than cục 5a.1 với đơn giá 7.200.000 đồng/tấn. Công ty TNHH M đã giao cho CTCP TM BM 803,46 tấn than cục 5a.1 tương đương 6.363.403.200 đồng (*Sáu tỷ, ba trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, hai trăm đồng*) (Bao gồm 10% VAT). Như vậy, trong lần giao hàng này, Công ty TNHH M đã giao thiếu hàng cho

CTCP TM BM. Sau khi đối trừ với số tiền CTCP TM BM phải trả thêm ở lần giao hàng thứ 3 thì Công ty TNHH M còn cầm thừa của CTCP TM BM số tiền 1.616.764.800 đồng (*Một tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, tám trăm đồng*).

- Phụ lục 05, ký ngày 25/06/2022: CTCP TM BM đã thanh toán chuyển khoản cho Công ty TNHH M số tiền 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*) để mua mặt hàng than cục 5a.1 với đơn giá 7.200.000 đ/tấn. Công ty TNHH M đã giao cho CTCP TM BM 961,62 tấn than cục 5a.1 tương đương 7.616.030.400 đồng (*Bảy tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn, bốn trăm đồng*) (Bao gồm 10% VAT). Như vậy, Công ty TNHH M đã giao thiếu hàng cho CTCP TM BM và còn cầm thừa của CTCP TM BM số tiền 2.383.969.600 đồng (*Hai tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm đồng*).

- Phụ lục 06, ký ngày 28/06/2022: CTCP TM BM đã thanh toán chuyển khoản cho Công ty TNHH M số tiền 7.000.000.000 đồng (*Bảy tỷ đồng*) để mua mặt hàng than cục 5a.1 với đơn giá 6.350.000 đ/tấn. Công ty TNHH M đã giao cho CTCP TM BM 1.662,08 tấn tương đương 11.609.628.800 đồng (*Mười một tỷ, sáu trăm linh chín triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm đồng*) (Bao gồm 10% VAT). Như vậy, ở lần mua bán này Công ty Minh Phúc đã giao thừa hàng cho CTCP TM BM. CTCP TM BM phải trả thêm cho Công ty TNHH M số tiền 4.609.628.800 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm linh chín triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm đồng*). Đối trừ với số tiền Công ty TNHH M còn cầm thừa của CTCP TM BM ở 02 lần mua bán liên trước đó thì trong lần mua bán này CTCP TM BM phải trả thêm cho Công ty TNHH M số tiền 608.894.400 đồng (*Sáu trăm linh tám triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*).

- Phụ lục 07, ký ngày 06/07/2022: CTCP TM BM đã thanh toán chuyển khoản cho Công ty TNHH M số tiền là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*) để mua mặt hàng than cục 5a.1 với đơn giá 6.350.000 đ/tấn. Công ty TNHH M đã giao cho CTCP TM BM 775,92 tấn than cục 5a.1 tương đương 5.419.801.200 đồng (*Năm tỷ, bốn trăm mười chín triệu, tám trăm linh một nghìn, hai trăm đồng*) (Bao gồm 10% VAT). Như vậy, ở lần mua bán này, Công ty TNHH M đã giao thừa hàng cho CTCP TM BM. CTCP TM BM phải trả thêm cho Công ty TNHH M số tiền 419.801.200 đồng (*Bốn trăm mười chín triệu, tám trăm linh một nghìn, hai trăm đồng*) trong lần mua bán này.

- Phụ lục 08, ký ngày 09/09/2022: CTCP TM BM đã thanh toán chuyển khoản cho Công ty TNHH M số tiền 5.000.000.000 (*Năm tỷ đồng*) để mua mặt hàng Than cám 6b.1 với đơn giá 1.800.000 đồng/tấn. Công ty TNHH M đã giao 2.228,71 tấn tương đương 4.412.845.800 đồng (*Bốn tỷ, bốn trăm mười hai triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm đồng*) (Bao gồm 10% VAT). Như vậy, trong lần mua bán này, Công ty TNHH M đã giao thiếu hàng cho CTCP TM BM. Công ty TNHH M còn cầm của CTCP TM BM số tiền 587.154.200 đồng (*Năm trăm tám mươi bảy triệu, một trăm năm mươi tư nghìn, hai trăm đồng*) trong lần giao hàng này. Đối trừ số tiền này với số tiền CTCP TM BM phải trả thêm cho Công ty TNHH M ở lần

mua bán thứ 06, 07 trước đó thì CTCP TM BM còn phải trả thêm cho Công ty TNHH Msố tiền 441.541.400 đồng (*Bốn trăm bốn mươi một triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm đồng*).

- Phụ lục 09, ký ngày 13/09/2022: CTCP TM BM đã thanh toán chuyển khoản cho Công ty TNHH Msố tiền là 13.000.000.000 đồng (*Mười ba tỷ đồng*), để mua mặt hàng than cám 6b.4 với đơn giá 1.775.000 đ/tấn. Công ty TNHH Mđã giao cho CTCP TM BM 1.895,46 tấn than cám 6b.4 tương đương 3.700.885.650 đồng (*Ba tỷ, bảy trăm triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*). Như vậy, ở lần mua bán này, Công ty TNHH Mđã giao thiếu hàng cho CTCP TM BM. Công ty TNHH M còn cầm thừa của CTCP TM BM số tiền 9.299.114.350 đồng (*Chín tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, một trăm mười bốn nghìn, ba trăm năm mươi đồng*). Sau khi đối trừ với khoản tiền CTCP TM BM phải trả thêm cho Công ty TNHH M trước đó thì Công ty TNHH M vẫn còn cầm của CTCP TM BM số tiền là 8.857.572.950 đồng (*Tám tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi đồng*).

Ngày 31/12/2022, CTCP TM BM và Công ty TNHH Mđã làm việc, trao đổi và chốt lại số tiền Minh Phúc HD đang cầm thừa của CTCP TM BM và phải trả lại cho CTCP TM BM. Tại buổi làm việc này, CTCP TM BM và Minh Phúc HD đã lập Biên bản đối chiếu công nợ. Trong Biên bản này, cả hai Bên đã xác nhận rõ nội dung: ***“Sau khi đối chiếu 2 bên thống nhất: Công ty TNHH M phải trả lại Công ty CP TM Khoáng sản Bảo Minh số tiền: 8.857.572.950 (Tám tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi đồng)”***. Quá trình đó, Công ty TNHH Mđã trả lại cho CTCP TM BM được 8 lần, cụ thể:

STT	Thời gian	Số tiền trả (đồng)	Số tiền còn lại (đồng)
1.	02/10/2023	40.000.000	8.817.572.950
2.	05/01/2024	50.000.000	8.767.572.950
3.	26/3/2024	50.000.000	8.717.572.950
4.	16/4/2024	50.000.000	8.667.572.950
5.	31/5/2024	50.000.000	8.617.572.950
6.	01/7/2024	50.000.000	8.567.572.950
7.	10/10/2024	20.000.000	8.547.572.950
8.	03/12/2024	30.000.000	8.517.572.950

Như vậy, tính đến hết ngày 03/12/2024 Công ty TNHH M mới chỉ trả lại được cho CTCP TM BM tổng số tiền là 340.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*). Công ty TNHH M còn cầm thừa của CTCP TM BM số tiền là 8.517.572.950 đồng (*Tám tỷ, năm trăm mười bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi đồng*). Do vậy, CTCP TM BM đã nhiều lần liên hệ, làm việc với Công ty TNHH M để thanh toán số tiền còn lại nêu trên nhưng Công ty TNHH M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả lại. Do vậy, CTCP TM BM khởi kiện buộc Công ty TNHH M phải có nghĩa vụ trả lại cho CTCP TM BM số tiền còn lại là 8.517.572.950 đồng (*Tám tỷ, năm trăm mười bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm*

mười đồng) và buộc Công ty TNHH M phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả, được tính 10%/năm, theo từng đợt thanh toán, tạm tính kể từ ngày chốt thanh toán 31/12/2022 cho đến ngày 25/12/2024 (từ số thứ tự 01 đến 08) với số tiền lãi được tính là 1.717.435.298 đồng (*Một tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng*). Quá trình hòa giải số tiền lãi CTCP TM BM tính đến ngày 03/4/2025 là 1.948.471.100 đồng (*Một tỷ, chín trăm bốn tám triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, một trăm đồng*).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M trình bày: Ngày 25/5/2022, Công ty TNHH M và Công ty CTCP TM BM có ký Hợp đồng nguyên tắc số 2505.2022/HĐMB/MP-BM về mua bán than. Trong hợp đồng nguyên tắc mua bán than về điều khoản thanh toán quy định: CTCP TM BM phải thanh toán cho Công ty TNHH M 100% tổng số tiền hàng trước khi lấy lô hàng tiếp theo. Sau khi ký Hợp đồng nguyên tắc trên hai công ty đã bổ sung thêm 09 Phụ lục hợp đồng về loại than, đơn giá. Trong quá trình mua bán than, giá than luôn biến động tăng giá từng ngày, từng giờ, do đó dẫn đến số tiền CTCP TM BM chuyển cho Công ty Minh Phúc mua than chỉ mua được số lượng ít hơn so với hợp đồng đã ký kết, dẫn đến Công ty TNHH M vì chữ tín trong mua bán cũng phải chịu bù lỗ khi phải mua than với giá cao hơn so với giá bán ra để kịp bàn giao cho CTCP TM BM. Ngày 31/12/2022, Công ty TNHH M và CTCP TM BM đã đối chiếu và chốt số công nợ mà Công ty TNHH M còn phải trả lại CTCP TM BM số tiền là: 8.857.572.950 đồng (*Tám tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi đồng*). Ngay sau khi ký Biên bản đối chiếu công nợ Công ty TNHH M trên tinh thần thiện chí, hàng tháng vẫn trả nợ cho CTCP TM BM. Tại thời điểm này, Công ty TNHH M còn nợ CTCP TM BM số tiền là: 8.517.572.950 đồng (*Tám tỷ, năm trăm mười bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi đồng*). Hiện Công ty Minh Phúc đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, thua lỗ trong kinh doanh, nên Công ty TNHH M chưa có khả năng trả một lần cho số tiền: 8.517.572.950 VNĐ hiện đang nợ CTCP TM BM. Do vậy, Công ty TNHH M xin được trả nợ hàng tháng cho CTCP TM BM dựa trên lợi nhuận hàng tháng mà Công ty TNHH M có được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do vậy, số tiền lãi CTCP TM BM yêu cầu Công ty TNHH M không có ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu số tiền lãi, được tính trên số tiền còn lại (nợ gốc) Công ty TNHH M còn phải trả đến ngày 03/12/2024 là: 8.517.572.950 đồng với lãi suất 10%/năm, được tính từ thời điểm chốt nợ 31/12/2022 cho đến ngày 30/5/2025 là 2.037.216.763 đồng và tiếp tục phải thanh toán 10%/năm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi Công ty TNHH M thanh toán hết số tiền nợ gốc 8.517.572.950 đồng cho CTCP TM BM.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thị xã Kinh Môn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là

đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của đương sự cơ bản đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 280, 430, 351, 440, 357, 468, 579 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 01/2019/HD-TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Yêu cầu khởi kiện của CTCP TM BM. Buộc Công ty TNHH M, địa chỉ trụ sở: Phố Đ, phường M, thị xã K, tỉnh H phải trả CTCP TM BM số tiền gốc 8.517.572.950 đồng, tiền lãi tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 30/5/2025 là 2.055.885.000đ. Tổng cộng 10.573.475.950 đồng (Mười tỷ, năm trăm bảy ba triệu, bốn trăm bảy lăm nghìn, chín trăm năm mươi đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Hoàn lại CTCP TM BM tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.118.000 đồng. Buộc Công ty TNHH M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: CTCP TM BM và Công ty Minh Phúc không tranh chấp về các điều kiện, điều khoản trong hợp đồng mà CTCP TM BM yêu cầu Công ty TNHH M trả lại số tiền đã chuyển nhiều hơn số lượng hàng đã nhận, nên cần xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự. Kiến nghị đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về việc vắng mặt của bị đơn: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định.

[2] Về yêu cầu của người khởi kiện: Ngày 25/05/2022, CTCP TM BM và Công ty TNHH M đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 2505.2022/HĐMB/MP-BM về việc Công ty TNHH M cung cấp hàng hóa (than) cho CTCP TM BM. Hợp đồng được người đại diện hợp pháp ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật, đã phát sinh hiệu lực quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc, quá trình thực hiện, hai bên đã ký 09 phụ lục mua bán than theo từng giai đoạn. Chốt đến ngày 31/12/2022, tại Biên bản đối chiếu công nợ CTCP TM BM và Công ty TNHH M kết luận: Công ty TNHH M còn phải trả lại cho CTCP TM BM số tiền: 8.857.572.950 đồng (tiền CTCP TM BM đã chuyển, nhưng chưa nhận được hàng). Kể từ ngày 31/12/2022 đến ngày 03/12/2024 Công ty TNHH M đã trả cho CTCP TM BM tổng số tiền là 340.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 8.517.572.950 đồng. Xét đề nghị của Công ty TNHH M xin được trả dựa trên

lợi nhuận hàng tháng mà Công ty TNHH M có được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do vậy, số tiền lãi CTCP TM BM yêu cầu Công ty TNHH M không có ý kiến. Với đề nghị của Công ty Minh Phúc HD, CTCP TM BM không nhất trí, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và tự nguyện tại phiên tòa yêu cầu số tiền lãi, được tính trên số tiền còn lại (nợ gốc) là: 8.517.572.950 đồng với lãi suất 10%/năm, được tính từ thời điểm chốt nợ 31/12/2022 cho đến ngày 30/5/2025 là 2.055.885.396 đồng và tiếp tục phải thanh toán 10%/năm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi Công ty TNHH M thanh toán hết số tiền nợ gốc (8.517.572.950 đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi của CTCP TM BM thì thấy rằng, trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng 2 bên không thỏa thuận về lãi. Tuy nhiên, sau khi 2 bên đối chiếu công nợ, xác định nghĩa vụ phải trả nhưng Công ty TNHH M không thực hiện đầy đủ. Do vậy, nội dung yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc và số tiền lãi như trên của CTCP TM BM là có căn cứ, phù hợp với Điều 357, 468 BLDS, cần buộc Công ty TNHH M phải có trách nhiệm thanh toán trả cho CTCP TM BM là phù hợp.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định, trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo quy định tại 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 280, 430, 351, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 01/2019/HD-TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CTCP TM BM.

Buộc Công ty TNHH M, địa chỉ trụ sở: Phố Đ, phường M, thị xã K, tỉnh H (người đại diện theo pháp luật: Ông Phí Văn Cương, chức vụ: Giám đốc) phải trả CTCP TM BM, địa chỉ: TDP L, phường L, thành phố Th, thành phố H (người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Nguyễn, chức vụ: Giám đốc) số tiền gốc 8.517.572.950 đồng, tiền lãi tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 30/5/2025 là 2.055.885.000đ. Tổng cộng 10.573.475.950 đồng (Mười tỷ, năm trăm bảy ba triệu, bốn trăm bảy lăm nghìn, chín trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/5/2025 của số tiền nợ gốc 8.517.572.950 đồng theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi trả xong số tiền nợ gốc.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH Mphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 118.573.458 đồng; Hoàn trả lại CTCP TM BM tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.118.000 đồng theo Biên lai thu số 0007145 ngày 14/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương phát hành.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tòa án báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền